

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

Số: 56/2022/HNGĐ - ST

Ngày 22 tháng 9 năm 2022

V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư; Bà Nguyễn Thị Vượng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ- kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 89/2022/TLST - HNGĐ ngày 28/3/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐST- HNGĐ ngày 10/9/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị Ng, sinh năm 1986 (Có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã NC, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Nhà A Tòa V1, The T, An Hưng, phường L, quận HĐ, thành phố Hà Nội

*** Bị đơn:** Anh Trương Tiến N, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà E, đường HD, phường LL, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã NC, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã NC, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Trịnh Thanh T, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã NC, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Trịnh Thị L- Chủ cửa hàng Vỹ Lệ (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã NC, huyện TY, tỉnh Bắc Giang

5. Bà Giáp Thị Y, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã NC, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Phạm Văn L, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã NC, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

7. Ngân hàng A

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc Th- Phó giám đốc chi nhánh Ngân hàng A. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

8. Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã NC, huyện TY, tỉnh Bắc Giang

9. Bà Hoàng Thị Kim Ng, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 2011, tầng 22, tòa V1, THĐ, thành phố Hà Nội

10. Ông Hoàng Trọng K, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 711, tầng 7, CT4C HĐ, thành phố Hà Nội

11. Ngân hàng C

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải H- Phó giám đốc chi nhánh Ngân hàng chính sách huyện Tân Yên. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/3/2022, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hoàng Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Tiến N đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang ngày 22/02/2010. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau và sinh sống tại quê chị ở thôn B, xã NC, huyện TY. Lúc đầu anh N làm thuê, đến cuối năm 2010 thì vợ chồng chị mở xưởng cơ khí để làm. Do cuộc sống khó khăn, cuối năm 2012 chị đi lao động xuất khẩu tại liên bang Nga, đến tết năm 2013 chị biết được thông tin anh N có quan hệ qua lại với một người phụ nữ khác. Chị có gọi điện nói chuyện với gia đình anh N để hỏi sự việc, nhưng gia đình anh N giấu, nói không có chuyện đó. Năm 2014 chị biết được thông tin anh N đã đưa người phụ nữ kia về nhà mẹ đẻ anh N sống công khai. Năm

2015 chị bỏ việc về nước, khi về thì biết anh N và người phụ nữ đó đã có một con chung, anh N còn đưa con trai chị là cháu L về dưới Nam Định sống với người phụ nữ đó, chị đã xuống thành phố Nam Định đón cháu L về. Khi đó, anh N đã theo chị về trên Bắc Giang và xin lỗi chị, lúc này chị đã nhất trí hòa giải và cho anh N một cơ hội, vợ chồng đã về chung sống với nhau. Từ năm 2015 đến cuối năm 2021, vợ chồng chị chung sống cùng nhau, một hai năm đầu hòa thuận, nhưng sau này anh N thường xuyên tụ tập bạn bè ăn uống, chơi bời, rượu chè, bị say xỉn và khi bị người ngoài kích bác đã về gây sự với chị, chửi bới, đánh đập chị, đập phá đồ đạc. Chị và người thân trong gia đình đều khuyên bảo nhưng anh N không thay đổi. Từ đầu tháng 12/2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị giải quyết cho chị và anh N ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung là: Trương Hoàng Tùng L, sinh ngày 18/11/2010; Trương Thị Bảo Ng, sinh ngày 29/7/2016 và Trương Yến Th, sinh ngày 01/01/2019. Hiện nay các con đều khỏe mạnh. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả ba con và không đồng ý cho anh N nuôi con, vì hiện nay anh N đang ở với gia đình anh trai trong điều kiện chỉ có ngôi nhà một tầng, diện tích 46m², anh N thường xuyên đi làm nên không có đủ điều kiện để chăm sóc con nhỏ, hơn nữa hiện nay cả ba con đều đang sinh sống, học tập cùng chị tại Hà Nội. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giao cả ba con cho chị nuôi, chị không yêu cầu anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với khoản công nợ chung của vợ chồng: Do vợ chồng chị mở xưởng cơ khí, nên khi làm có phải vay nợ một số cá nhân, cơ quan như sau: Nợ bà Giáp Thị Y số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, đã trả lãi hết năm 2021. Hiện chưa trả gốc và lãi từ tháng 1 năm 2022 đến nay; Nợ anh Trịnh Thanh T, số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, đã trả lãi hết tháng 5 năm 2021. Nay còn nợ gốc và tiền lãi từ tháng 6 năm 2021 đến nay; Nợ bà Nguyễn Thị Th số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, đã trả lãi hết tháng 3 năm 2022. Nay còn nợ gốc và tiền lãi từ tháng 4 năm 2022; Nợ Ngân hàng A- Chi nhánh huyện Tân Yên số tiền gốc là 380.000.000 đồng, tiền lãi nợ theo kỳ, mục đích mua máy móc 120.000.000 đồng, còn lại cho chị gái là Hoàng Thị Kim Ng và anh Hoàng Trọng K vay 260.000.000 đồng; Nợ quỹ hội người cao tuổi do bà Hoàng Thị M (S) đại diện số tiền 11.000.000 đồng, lãi 1%/tháng, chị đã trả hết lãi năm 2021, còn nợ gốc và tiền lãi từ tháng 1 năm 2022; Nợ quỹ hội nông dân và quỹ đình làng thôn B do bà Hoàng Thị Đ đại diện số tiền 72.500.000 đồng, lãi 1%/tháng, đã trả lãi hết năm 2021, còn nợ gốc và lãi từ tháng 1 năm 2022. Ngoài ra, nợ bà Đ 3 chỉ vàng không có lãi suất; Nợ chị Hoàng Thị Kim Ng số tiền 85.000.000 đồng để làm nhà xưởng,

không có lãi; Nợ anh Hoàng Trọng K số tiền 20.000.000 đồng, không có lãi suất, vay để làm nhà; Nợ Ngân hàng C số tiền 20.000.000 đồng để mua máy móc, tiền lãi đã trả hết tháng 3 năm 2022; Nợ chị Trịnh Thị L, số tiền số 4.000.000 đồng tiền vật liệu xây dựng; Nợ anh Phạm Văn L số tiền 13.000.000 đồng tiền công xây nhà. Chị đề nghị Tòa án làm việc với những người liên quan để xem xét họ có khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị thực hiện nghĩa vụ hay không, nếu không yêu cầu thì đề nghị Tòa án xem xét xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng để giao cho mỗi người có trách nhiệm với từng khoản nợ cụ thể, chị và anh N chịu trách nhiệm mỗi người phải chịu trách nhiệm bằng $\frac{1}{2}$ số nợ trên.

Tại bản tự khai ghi ngày 10/9/2022, chị Hoàng Thị Ng trình bày chị và anh N cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến nay đã tự thống nhất thỏa thuận được việc giải quyết tài sản, công nợ, do đó chị không đề nghị Tòa án xem xét.

Bị đơn anh Trương Tiến N tại biên bản ghi lời khai ngày 29/4/2022 và các lời khai tiếp theo trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Ng đã tự nguyện kết hôn từ năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng sinh sống tại số nhà E, đường HD, thành phố Bắc Giang. Năm 2017 vợ chồng anh làm ăn tại huyện Tân Yên gần nhà mẹ đẻ chị Ng, được bà cho xây nhà trên một phần đất. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn từ việc quản lý kinh tế gia đình, tiền đầu tư làm ăn. Tháng 2 năm 2022 chị Ng đi làm ăn tại Hà Nội, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có ba con chung như chị Ng đã khai, các con đều khỏe mạnh. Vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con Trương Hoàng Tùng L, sinh ngày 18/11/2010 và con Trương Thị Bảo Ng, sinh ngày 29/7/2017, chị Ng nuôi con Trương Yến Th, sinh ngày 01/01/2019. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh có tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà cấp bốn một tầng diện tích khoảng 120m² xây dựng năm 2020 trên đất của mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Đ, giá trị ngôi nhà khoảng 400.000.000 đồng; Máy móc cơ khí có: máy cắt to, máy cắt nhôm, máy dập nhôm, máy phay nhôm, máy hơi, máy khoan. Ước tính giá trị tài sản khi đầu tư khoảng 200.000.000 đồng. Tài sản trên hiện đều do chị Ng quản lý, do đó anh đề nghị Tòa án giao quyền quản lý, sử dụng căn nhà cho chị Ng và chị Ng trích chia trả anh bằng tiền. Đối với máy móc anh đề nghị bán thanh lý để chia đôi giá trị bằng tiền cho anh và chị Ng.

Về công nợ chung: Anh xác nhận có vay các khoản nợ chung chị Ng nêu gồm: Vay anh Hoàng Trọng K 20.000.000 đồng; Vay hội người cao tuổi thôn Bình An 11.000.000 đồng; Vay quỹ đình làng 53.000.000 đồng, quỹ hội nông dân 19.500.000 đồng, cả hai quỹ do bà Nguyễn Thị Đ đại diện; Nợ tiền vật liệu xây dựng cửa hàng Vỹ Lê 4.000.000 đồng; Nợ tiền công xây dựng của anh Phạm Văn L 13.000.000 đồng. Đối với khoản tiền chị Ng khai vay Ngân hàng A - chi nhánh huyện Tân Yên và Ngân hàng C, anh xác định không biết, không được vay, nên không đồng ý là khoản nợ chung của vợ chồng.

Ngoài những khoản nợ chị Ng kê khai trên, anh còn nợ những người sau: Nợ cửa hàng sắt H cạnh UBND xã Song Vân, huyện Tân Yên số tiền 27.055.000 đồng; Nợ cửa hàng nhôm kính Inox HT địa chỉ phố BỈ, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên số tiền 63.374.000 đồng; Nợ cửa hàng tôn sắt TH, địa chỉ Cầu Xi, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên số tiền 20.057.000 đồng. Anh xác định đây là nợ chung, yêu cầu chia đôi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/9/2022, biên bản phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải ngày 10/9/2022 anh N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi con chung Trương Hoàng Tùng L, để chị Ng nuôi hai con Trương Thị Bảo Ng và Trương Yến Th. Nếu con có nguyện vọng ở cùng mẹ thì anh nhất trí đề nghị Tòa án xem xét theo luật hôn nhân và gia đình. Đối với yêu cầu giải quyết về tài sản, các khoản công nợ chung đến nay anh xác định không nộp tiền tạm ứng án phí, anh cũng không yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng. Đối với các khoản nợ chung chị Ng kê khai anh và chị Ng cùng những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã thống nhất thỏa thuận tự giải quyết, do đó anh không yêu cầu xem xét. Đối với các khoản tiền nợ anh kê khai, anh nhận tự chịu trách nhiệm trả nợ và không yêu cầu Tòa án xem xét.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Chị Nguyễn Thị Th tại đơn khởi kiện ghi ngày 06/6/2022, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai tiếp theo trình bày: Chị có cho chị Ng và anh N vay số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, lãi suất 0,8%. Nay chị đề nghị Tòa án buộc chị Ng và anh N trả chị số tiền vay gốc trên và số tiền lãi tính từ tháng 2 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ vớ mức lãi suất 0,8%/1 tháng.

- Bà Hoàng Thị S tại đơn khởi kiện ghi ngày 08/6/2022, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai tiếp theo trình bày: Năm 2021 bà cho vợ chồng anh Trương Tiến N, chị Hoàng Thị Ng vay số tiền 11.000.000 (mười một triệu) đồng, lãi suất 1%/tháng. Anh N, chị Ng đã trả hết tiền lãi năm 2021. Bà yêu cầu anh N, chị Ng trả số tiền vay gốc và tiền lãi từ tháng 1 năm 2022 theo mức 1%/tháng đến ngày trả xong khoản tiền gốc và lãi trên. Bà Đ có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

- Ông Phạm Văn L tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/7/2022 và các lời khai tiếp theo trình bày: Tháng 7 năm 2020 ông có làm nhà cho vợ chồng anh N, chị Ng với số tiền công là 71.000.000 (bảy mươi một triệu) đồng. Anh N, chị Ng đã trả cho ông 57.705.000 đồng và còn nợ lại số tiền 13.295.000 đồng, ông tính tròn 13.000.000 đồng. Ông đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang buộc chị Ng và anh N cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho ông khoản nợ trên.

- Bà Nguyễn Thị Đ tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/7/2022, các lời khai tiếp theo trình bày: Bà có cho anh Trương Tiến N và chị Hoàng Thị Ng vay để làm ăn phát triển kinh tế gia đình gồm các khoản sau:

+ Cuối năm 2020 cho vay một dây chuyền 03 chỉ vàng 9999 để mua máy móc, hẹn khi nào trả thì trả bằng vàng. Giá trị tài sản hiện nay bằng 16.500.000 đồng.

+ Cho vay tiền của quỹ hội nông dân do bà quản lý và chịu trách nhiệm, năm 2020 cho vay 4.500.000 đồng và năm 2021 cho vay số tiền 15.000.000 đồng. Tổng cộng bằng 19.500.000 đồng. Lãi suất cho vay là 1%/tháng. Cả hai lần vay anh N và chị Ng đều ký nhận. Nay tiền lãi đã trả đến hết tháng 12 năm 2021, từ tháng 1 năm 2022 đến nay chưa trả.

+ Cho vay tiền quỹ của hội các cụ bản tự Đình làng, bà là người quản lý quỹ và tự chịu trách nhiệm về việc cho các cá nhân vay, trong đó có cho anh N chị Ng vay số tiền 53.000.000 đồng vào tháng 1 năm 2021, lãi suất tính bằng 1%/tháng. Anh N, chị Ng vay để mua máy móc, lấy hàng để sản xuất. Tiền lãi đã trả hết tháng 12 năm 2021. Từ tháng 1 năm 2022 đến nay chưa trả.

Nay bà đề nghị Tòa án buộc anh N và chị Ng cùng chịu trách nhiệm trả các khoản nợ trên cho bà. Đối với số vàng bà không yêu cầu trả lãi, đối với các khoản tiền vay bà yêu cầu trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận, thời gian từ tháng 1 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong. Bà đề nghị Tòa án miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

- Bà Giáp Thị Y tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/7/2022 và các lời khai tiếp theo trình bày: Ngày 10/8/2022 bà có cho anh N, chị Ng vay số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Ngày 14/9/2020 cho vay tiếp số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Tổng cộng là 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Sau khi vay anh N, chị Ng đã trả lãi đến hết tháng 7 năm 2021. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc anh N, chị Ng phải chịu trách nhiệm trả bà số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi nợ từ tháng 8 năm 2021 đến ngày trả xong, theo mức 1%/tháng. Bà đề nghị Tòa án miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

- Ông Trịnh Thanh T tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/7/2022, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai tiếp theo trình bày: Tháng 2 năm 2020 ông cho anh Trương Tiến N và chị Hoàng Thị Ng vay số tiền 30.000.000 (ba mươi

triệu) đồng, lãi suất 1%/tháng để mua máy móc. Sau khi vay anh N, chị Ng đã trả cho ông tiền lãi của năm 2020, còn tiền lãi của năm 2021 đến nay chưa trả. Nay ông đề nghị Tòa án buộc anh N, chị Ng phải chịu trách nhiệm thanh toán trả ông số tiền gốc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và toàn bộ tiền lãi từ tháng 1 năm 2021 đến ngày thanh toán xong khoản nợ, lãi suất là 1%/tháng.

Ngày 11/7/2022, Tòa án đã thụ lý các yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Đ, bà Hoàng Thị Sn. Bà Giáp Thị Y. Ngày 04/8/2022 ông Trịnh Thanh T, ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị Th đã nộp tiền tạm ứng án phí. Ngày 05/8/2022, Tòa án thụ lý các yêu cầu độc lập của ông Tùng, ông Lực, bà Thoan.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ghi ngày 16/8/2022 của Ngân hàng A, bản tự khai do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 10/8/2020 chị Hoàng Thị Ng có làm hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng A chi nhánh huyện Tân Yên với số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và được Ngân hàng phê duyệt cho vay số tiền trên theo phương thức cho vay từng lần tại hợp đồng tín dụng số 2505LAV202003587 ngày 10/8/2020, thời hạn cho vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ theo phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 10/8/2020 là ngày 10/8/2021, ngày 10/8/2022, ngày 10/8/2023, ngày 10/8/2024 và ngày 10/8/2025, lãi suất cho vay tại thời điểm nhận nợ là 11%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay: Đầu tư dự án xây dựng chuồng trại chăn nuôi, múc ao, xây bờ ao. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 040820-NC/HĐTC ngày 07/8/2020, được công chứng tại UBND xã Ngọc Châu theo số chứng thực 248, quyền số 01/2020/SCT/HĐ.GD, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 1, diện tích 810m² (nay thể hiện tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 44, diện tích 1.163,5m² theo trích lục bản đồ địa chính xã Ngọc Châu), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N756986 do UBND huyện Tân Yên cấp ngày 12/12/1998 cho bà Nguyễn Thị Đ. Nay Ngân hàng A yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xem xét tuyên buộc bà Hoàng Thị Ng và ông Trương Tiến N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc lãi gồm: Nợ gốc 350.000.000 đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 15/8/2022 là 421.921 đồng và yêu cầu ông Nam, bà Nga tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày tiếp theo cho đến ngày bà Ng, ông N trả hết nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp bà Ng, ông N không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị Đ đã thế chấp để thu hồi nợ.

Ngày 22/8/2022, Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng án phí. Ngày 23/8/2022 Tòa án thông báo thụ lý yêu cầu độc lập của Ngân hàng.

Chị Hoàng Thị Kim Ng trình bày: Chị có cho chị Hoàng Thị Ng và anh Trương Tiến N vay số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Nay anh N và chị Ng ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản tiền cho vay trên. Chị và chị Ng, anh N sẽ tự giải quyết, chị đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Anh Hoàng Trọng K trình bày: Anh có cho chị Hoàng Thị Ng và anh Trương Tiến N vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Nay anh N và chị Ng ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản tiền cho vay trên. Anh và anh N, chị Ng sẽ tự giải quyết, đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt tại phiên tòa.

Ngân hàng C do ông Nguyễn Hải H– Phó giám đốc Chi nhánh huyện Tân Yên là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ vay vốn, Ngân hàng xác định khoản tiền vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng tại ngân hàng chính sách – xã hội là của chị Hoàng Thị Ng và bà Nguyễn Thị Đ vay, nay chị Ng và bà Đ chưa có vi phạm gì về nghĩa vụ, do đó Ngân hàng không khởi kiện và thu hồi nợ trước hạn đối với món vay này. Ông H đề nghị Tòa án cho vắng mặt trong quá trình xét xử.

Cháu Trương Hoàng Tùng L tại biên bản ghi lời khai ngày 19/8/2022 trình bày: Cháu vừa học hết lớp 6 trường tiểu học xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, cháu mong muốn bố, mẹ về sống chung để nuôi dạy cháu khôn lớn, trưởng thành, nhưng nếu bố, mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Nga vì bố, mẹ cháu từ lâu không còn chung sống nữa, mẹ cháu quan tâm, chăm sóc con hơn bố. Mong Tòa án chấp nhận nguyện vọng của cháu.

Tại biên bản xác minh và biên bản làm việc ngày 06/9/2022, đại diện chính quyền thôn B, xã NC, huyện TY cung cấp:

Anh Trương Tiến N và chị Hoàng Thị Ng đã kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại nơi cư trú của anh N là thành phố Bắc Giang. Sau khi kết hôn, anh N và chị Ng sinh sống tại thành phố Bắc Giang, từ khoảng cuối năm 2016 anh N và chị Ng chuyển về sinh sống cùng mẹ chị Ng là bà Nguyễn Thị Đ. Từ đó đến đầu năm 2022, vợ chồng Nga sinh sống tại thôn. Quá trình chung sống anh, chị có mâu thuẫn như thế nào địa phương không rõ, chưa bao giờ anh N, chị Ng đề nghị hòa giải. Tuy nhiên từ đầu năm 2022 không thấy anh N ở đây nữa, địa phương có hỏi thì biết anh N, chị Ng mâu thuẫn và đã ly thân. Anh N đã về thành phố Bắc Giang sinh sống, còn chị Ng và các con ở lại đây, sau đó chị Ng đi làm tại Hà Nội. Nay vợ chồng Ng, N yêu cầu ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Đối với các con chung của Ng, N có ba con hiện đều do chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc giải quyết về con chung đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật và điều kiện hiện

nay của các cháu, giao cho người có đủ điều kiện để nuôi dưỡng để bảo vệ quyền lợi cho các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định.

Đối với bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954 và bà Hoàng Thị S là công dân thường trú tại thôn B, xã NC. Hiện bà Đ là hội viên của hội nông dân, trong quá trình làm hội viên bà Đ được các hội viên thống nhất giao cho bà quản lý quỹ Đình làng và quỹ hội nông dân, bà Đ sẽ chịu trách nhiệm quản lý và báo cáo chi tiêu, sử dụng quỹ cụ thể với các hội viên. Quá trình quản lý quỹ, bà Đ cho ai vay tiền thì bà Đ phải chịu trách nhiệm đòi người đó, các hội viên khác không phải chịu trách nhiệm này. Việc bà Đ cho chị Ng, anh N vay tiền, quan điểm của địa phương đây là tiền cá nhân bà Đ cho vay, bà Đ có quyền yêu cầu anh N, chị Ng trả cho bà số tiền cho vay. Bà Đ mượn tiền của quỹ thì phải tự có trách nhiệm hoàn trả quỹ số tiền đã mượn. Hiện bà Đ và các thành viên trong hội không có tranh chấp gì về vấn đề trên. Đối với bà Hoàng Thị S là hội viên hội người cao tuổi được các thành viên trong hội giao quản lý quỹ, ghi chép các khoản thu, chi. Bà Đ cho ai vay tiền, bà phải chịu trách nhiệm đối với khoản tiền cho vay đó, các thành viên trong hội không phải chịu trách nhiệm đòi các khoản tiền cho vay này. Quan điểm của địa phương bà Đ cho chị Ng, anh N vay tiền thì có quyền đòi anh N, chị Ng hoàn trả số tiền trên. Số tiền trên bà Đ mượn của quỹ hội thì phải chịu trách nhiệm hoàn trả quỹ. Hiện bà Đ và các thành viên trong quỹ không tranh chấp gì về số tiền trên.

Tại biên bản xác minh ngày 20/9/2022, đại diện tổ dân phố T cung cấp: Trước đây anh Trương Tiến N, sinh năm 1987 có sinh sống cùng anh trai tại số nhà E, đường HD, tổ dân phố T, phường LL, thành phố Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Ng có chuyển về sinh sống ở quê chị Ng tại Tân Yên. Được một thời gian địa phương có biết thông tin chị Ng, anh N mâu thuẫn, sau khi ly thân chị Ng và anh N ở đâu địa phương không biết, cách đây khoảng một tháng anh N có về chăm sóc anh trai là Trương Tiến T bị ung thư giai đoạn cuối, buổi tối anh N ngủ nhờ nhà anh Nguyễn Văn H là anh họ ở gần nhà anh T. Hiện nay, nghề nghiệp, thu nhập của anh N là gì thì địa phương không nắm được, chỉ biết anh N làm công việc tự do, các con không ở cùng anh N.

Ngày 06/9/2022, đại diện Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang cùng với đại diện chính quyền địa phương đã tiến hành thẩm định đối với tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị Đ là thửa đất số 274, tờ bản đồ số 1 (nay thể hiện là thửa đất số 8, tờ bản đồ số 44) cùng các tài sản trên thửa đất tại Thôn B, xã NC, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 10/9/2022, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng A, bà Nguyễn Thị Đ, bà Hoàng Thị S, bà Giáp Thị Y, ông Trịnh Thanh T; bà Nguyễn Thị Th; ông Phạm Văn L có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện vì lý do đã thỏa thuận được việc giải quyết khoản công nợ

với chị Hoàng Thị Ng và anh Trương Tiến N. Anh Trương Tiến N, chị Hoàng Thị Ng đều nhất trí với việc rút đơn khởi kiện trên và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị Ng vẫn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu về ly hôn, con chung. Đối với tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chi phí thẩm định tài sản do Ngân hàng nộp tạm ứng, chị đã chuyển trả Ngân hàng theo thỏa thuận của hai bên, nay chị nhận chịu cả số tiền chi phí thẩm định 3.000.000 đồng đã nộp.

Anh N trình bày: Anh nhất trí ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao con lớn Trương Hoàng Tùng L cho anh nuôi, còn giao cho chị Ng nuôi hai con nhỏ. Về tài sản chung, công nợ chung anh và chị Ng đã tự thỏa thuận giải quyết với những người có quyền, nghĩa vụ liên quan, do đó anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị căn cứ điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 157; điều 227; điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử công nhận chị Hoàng Thị Ng và anh Trương Tiến N thuận tình ly hôn. Giao cho chị Hoàng Thị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con Trương Hoàng Tùng L, sinh ngày 18/11/2010; Trương Thị Bảo Ng, sinh ngày 29/7/2016 và Trương Yến Th, sinh ngày 01/01/2019. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung không đặt ra xem xét do các đương sự không yêu cầu. Đề nghị đình chỉ yêu cầu độc lập của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Giáp Thị Y, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Đ, bà Hoàng Thị S, ông Phạm Văn L, ông Trịnh Thanh T, Ngân hàng A. Đối với chi phí thẩm định tài sản chị Ng nhận chịu nên phải chịu số tiền chi phí thẩm định. Về án phí, chị Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí. Hoàn trả cho những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

Đơn khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, bị đơn cư trú tại thành phố Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã chấp hành đúng pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho thấy anh Trương Tiến N và chị Hoàng Thị Ng đã tự nguyện tìm hiểu, kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang ngày 22/02/2010, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa anh N, chị Ng là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Xét lời khai của anh N và chị Ng, kết quả xác minh tại địa phương cho thấy sau khi kết hôn vợ chồng chị Ng và anh N về chung sống với nhau, cuối năm 2021 xảy ra mâu thuẫn gay gắt, vợ chồng thường xuyên cãi, chửi, đánh nhau và đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2022. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị Ng và anh N khai không đồng nhất, tuy nhiên HĐXX nhận thấy có tình trạng mâu thuẫn trên là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn, trong lối sống, tính cách, vợ chồng không nhường nhịn, thông cảm cho nhau dẫn đến không tôn trọng nhau. Tòa án đã nhiều lần hòa giải, nhưng không được, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị Ng và anh N đã gay gắt, kéo dài, nay cả hai đều thống nhất thuận tình ly hôn, căn cứ quy định tại điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Ng và anh N.

Về con chung: Chị Ng và anh N có ba con chung là Trương Hoàng Tùng L, sinh ngày 18/11/2010; Trương Thị Bảo Ng, sinh ngày 29/7/2016 và Trương Yến Th, sinh ngày 01/01/2019. Chị Ng có nguyện vọng được nuôi cả ba con, còn anh N có nguyện vọng được nuôi con trai lớn Trương Hoàng Tùng L. Xét các tài liệu chứng cứ do chị Ng và anh N cung cấp cũng như Tòa án đã thu

thập được cho thấy, anh N hiện là lao động tự do, nguồn thu nhập không ổn định, không có nơi ở, không có nhà riêng mà phải sống chung với các anh trai, chị dâu trong môi trường nhà ở chật hẹp, do đó không đảm bảo việc chăm sóc các con tốt nhất. Hiện nay cả ba cháu L, Ngọc, Thư đều do chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, được chị Ng cho ăn, học tại Hà Nội, chị Ng và các con đều có nơi cư trú ổn định, mức thu nhập bình quân của chị Ng trong 6 tháng qua trung bình khoảng 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng/tháng. Cháu Trương Hoàng Tùng L cũng đề nghị Tòa án cho ở với mẹ. Do đó, nếu giao một trong các cháu cho anh N nuôi sẽ dẫn đến thay đổi nơi học tập, môi trường sống, ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi của các cháu, cũng không đảm bảo cho các cháu có được điều kiện sống, học tập tốt nhất. Vì vậy, để đảm bảo cho các cháu được tiếp tục sống trong điều kiện tốt nhất, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Ng, giao cho chị Ng tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung như đề xuất của kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung:

Về tài sản chung: Anh N và chị Ng không yêu cầu chia tài sản chung, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị Ng và anh Trương Tiến N có nêu các khoản công nợ chung của vợ chồng và đề nghị Tòa án xem xét. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cho những người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhận được đơn khởi kiện của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bao gồm: Bà Nguyễn Thị Đ, bà Giáp Thị Y, bà Hoàng Thị S, bà Nguyễn Thị Th, ông Phạm Văn L, ông Trịnh Thanh T và Ngân hàng Ayêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh N, chị Ng thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc, lãi. Những người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan khác như Ngân hàng C, chị Hoàng Thị Kim Ng, anh Hoàng Trọng K, cửa hàng sắt VL do chị Trịnh Thị L làm chủ không có yêu cầu gì. Tòa án đã thụ lý các yêu cầu khởi kiện của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngày 10/9/2022, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng A, bà Nguyễn Thị Đ, bà Hoàng Thị S, bà Giáp Thị Y, ông Trịnh Thanh T; bà Nguyễn Thị Th, ông Phạm Văn L đều có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện vì lý do đã thỏa thuận được việc giải quyết khoản công nợ với chị Hoàng Thị Ng và anh Trương Tiến N. Anh Trương Tiến N, chị Hoàng Thị Ng nhất trí, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX xét thấy, việc các đương sự tự thỏa thuận

giải quyết về công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không ai có ý kiến gì đối với việc rút yêu cầu khởi kiện trên. Do đó HĐXX chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của những người trên, quyết định đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng A, bà Nguyễn Thị Đ, bà Hoàng Thị S, bà Giáp Thị Y, ông Trịnh Thanh T, bà Nguyễn Thị Th, ông Phạm Văn L.

Về chi phí thẩm định tài sản: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, ngày 06/9/2022 Tòa án đã cùng chính quyền địa phương tiến hành thẩm định tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị Đ. Số tiền chi phí thẩm định hết 3.000.000 đồng, do Ngân hàng nộp tạm ứng, tại phiên hòa giải ngày 10/9/2022, chị Ng và đại diện Ngân hàng đã thỏa thuận, chị Ng chịu toàn bộ chi phí thẩm định và chị Ng đã hoàn trả đủ số tiền trên cho đại diện Ngân hàng, căn cứ điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận chị Ng chịu toàn bộ tiền chi phí thẩm định. Xác nhận chị Ng đã nộp đủ số tiền trên.

[6]. Về án phí: Căn cứ điều 26, khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn Hoàng Thị Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với những người có quyền nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có đơn xin rút đơn khởi kiện, không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho những người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã nộp tiền tạm ứng án phí gồm: Chị Nguyễn Thị Th, ông Trịnh Thanh T, ông Phạm Văn L và Ngân hàng Asố tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đối với bà Nguyễn Thị Đ, bà Hoàng Thị S, bà Giáp Thị Y là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nộp và được Tòa án chấp nhận miễn nộp tạm ứng án phí, nên không đặt ra xem xét.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; 157, 217; 218; 219; điều 227; 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 26, Khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Ng và anh Trương Tiến N.

- Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Ng quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con Trương Hoàng Tùng L, sinh ngày 18/11/2010; Trương Thị Bảo Ng, sinh ngày 29/7/2016 và Trương Yến Th, sinh ngày 01/01/2019.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra xem xét

- Về tài sản chung : Không đặt ra xem xét.

- Về nghĩa vụ chung:

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng A.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Đ.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị S.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Giáp Thị Y.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Trịnh Thanh T.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Th.

+ Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn L.

- Về chi phí thẩm định tài sản: Chị Hoàng Thị Ng chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tài sản. Xác nhận chị Ng đã nộp đủ.

- Về án phí:

+ Chị Hoàng Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001441 ngày 28/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Chị Nguyễn Thị Th, ông Trịnh Thanh T, ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị Đ, bà Hoàng Thị S, bà Giáp Thị Y và Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho ông Phạm Văn L số tiền tạm ứng án phí 325.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001675 ngày 04/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

+ Hoàn trả bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng tại biên lai thu số 0001674 ngày 04/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

+ Hoàn trả ông Trịnh Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng tại biên lai thu số 0001673 ngày 04/8/2022 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang;

+ Hoàn trả Ngân hàng A số tiền tạm ứng án đã nộp 8.760.000 đồng tại biên lai thu số 0001688 ngày 22/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hoặc kể từ ngày bản án niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Giang;
- TAND, VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS TP Bắc Giang;
- UBND Phường LL, TP Bắc Giang
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng